Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO QUÝ I/2022

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 9

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom ("Quỹ") được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 19/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 08 tháng 09 năm 2015, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 60.653.750.000 đồng Việt Nam, tương đương với 6.065.375,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 12.917.479.469.800 đồng Việt Nam, tương đương với 1.291.747.946,98 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (trước đây là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương) là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK ngày 30 tháng 1 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các giấy phép điều chỉnh.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 88,9996% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong kỳ đến thời điểm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ là quản lý danh mục đầu tư và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191, Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính quý là Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Phí Tuấn Thành – chức danh Phó Tổng Giám đốc được Bà Nguyễn Thị Thu Hiền ủy quyền ký báo cáo tài chính cho kỳ kế toán Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 010101/22/UQ-CTHĐQT-TCC ngày 01 năm 01 năm 2022.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

Chức năng của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 08 năm 2015
Ông Đặng Thế Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 08 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Vĩnh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 08 năm 2015

Tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2018 lần thứ 2 ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ban Đại diện Quỹ được Đại hội Nhà Đầu tư tiếp tục bầu cho nhiệm kỳ 2019-2021.

Tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2020 lần thứ 2 ngày 19 tháng 5 năm 2021, Ban Đại diện Quỹ được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua việc điều chỉnh nhiệm kỳ của Ban Đại diện hiện tại thành nhiệm kỳ 2019-2023.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản khác có lãi suất cố định. Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền tại Điều lệ này.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính Quý I của Quỹ, tính đến kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV/CCQ) của Quỹ là 7,26% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 03 năm 2021.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản Lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.
Chiến lược đầu tư tạm thời: Khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các Nhà Đầu Tư, Công ty Quản Lý Quỹ có thể đầu tư lên tới 100% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.

Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
Ngoài ra, Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng, chủ yếu gồm cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Công ty Quản Lý Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các Công ty đầu ngành và các Công ty có triển vọng trở thành Công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của Công ty sẽ thực hiện đầu tư, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom Up Approach" trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp Luật.

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015

1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 12.917.479.469.800 đồng Việt Nam, tương đương với 1.291.747.946,98 chứng chỉ quỹ.

1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp thuận của đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của ban đại diện quỹ (nếu đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho ban đại diện quỹ quyết định phù hợp với quy định tại điều lệ quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch. Khối lượng đơn vị quỹ được phân chia trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày chốt danh sách nhà đầu tư hoặc một giá trị khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền và bằng Đơn vị Quỹ, NAV trên Đơn vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.

1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022	*Ngày 31 tháng 03 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 03 năm 2020*
Danh mục chứng khoán cơ cấu	70,18%	33,72%	63,16%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	27,83%	64,46%	34,69%
Tài sản khác	1,99%	1,82%	2,15%
	100%	**100%**	**100%**

2.2 *Chi tiết chỉ tiêu hoạt động*

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022	*Ngày 31 tháng 03 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 03 năm 2020*
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	20.611.268.609.532	28.631.569.527.880	14.971.934.317.741
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	1.291.747.946,98	1.924.648.392,04	1.066.347.147,70
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	15.956,10	14.876,25	14.040,39
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	15.956,10	14.881,77	14.040,39
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	15.646,71	14.657,53	13.767,78
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	7,26%	5,95%	8,36%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	-0,83%	14,25%	-4,85%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,31%	1,30%	1,62%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	111,35%	18,68%	90,55%

2.3 *Tăng trưởng qua các thời kỳ*

Giai đoạn	*Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ*	*Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm*
1 năm đến thời điểm báo cáo	7,26%	7,26%
3 năm đến thời điểm báo cáo	23,14%	7,19%
5 năm đến thời điểm báo cáo	44,12%	7,58%
Từ khi thành lập	59,56%	6,90%
Tăng trưởng chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

2.4 *Tăng trưởng hàng năm*

Thời kỳ	*Ngày 31 tháng 03 năm 2022*	*Ngày 31 tháng 03 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 03 năm 2020*
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ/năm	7,26%	5,95%	8,36%

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Kinh tế vĩ mô quý I năm 2022

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, lây lan nhanh trong cộng đồng, tuy nhiên tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam quý I năm 2022 đạt được mức tăng trưởng khá trên các lĩnh vực. Nền kinh tế đạt mức tăng trưởng 5,03%, đây là mức tăng trưởng khá so với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Cung cầu hàng hóa trong nước được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng và xuất khẩu tăng cao. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng trưởng khá cao, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu. Hoạt động sản xuất Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quý I năm 2022. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện rõ rệt, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Kết thúc quý I/2022 tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I năm 2022 ước tính tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,72% của quý I năm 2021 và 3,66% của quý I năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,85% của quý I năm 2019.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp quý I/2022 tăng 7,07% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 6,44% của quý I năm 2021, đóng góp 2,42 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 7,79%, đóng góp 2,05 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng tăng trưởng dương 1,23% (khai thác than tăng 3,2% và quặng kim loại tăng 5%), làm tăng 0,04 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng tăng 2,57%, thấp hơn tốc độ tăng 6,53% của quý I năm 2021, đóng góp 0,16 điểm phần trăm.

Khu vực dịch vụ trong quý I/2022 tăng trưởng khởi sắc khi nhiều hoạt động dịch vụ sôi động trở lại. Đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỉ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của quý I năm nay như sau: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,75% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,54 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 7,06%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm; ngành bán buôn và bán lẻ tăng 2,98%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 1,79%, làm giảm 0,04 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế quý I năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỉ trọng 10,94%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,97%; khu vực dịch vụ chiếm 41,70%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,39% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2021 là 11,61%; 36,61%; 42,38%; 9,40%).

Về sử dụng GDP quý I/2022, tiêu dùng cuối cùng tăng 4,28% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 3,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 5,08%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,20%.

Thị trường trái phiếu quý 1 năm 2022

Trên thị trường sơ cấp, tỷ lệ trúng thầu giảm mạnh so với quý trước, lãi suất có xu hướng tăng mạnh. Tỷ lệ trúng thầu bình quân phiên đạt 52%, giảm mạnh so với mức 71% của quý trước nhưng tương đương với cùng kỳ năm 2021. KBNN đã huy động thành công hơn 41,3 nghìn tỷ đồng trên tổng số 78 nghìn tỷ đồng gọi thầu trong 3 tháng đầu năm 2022. Lãi suất trúng thầu sơ cấp tăng mạnh khoảng 12-15 điểm ở các kỳ hạn chính so với cuối năm ngoái, lên mức khoảng 2,2%/năm đối với kỳ hạn 10 năm và khoảng 2,5%/năm đối với kỳ hạn 15 năm.

Trên thị trường thứ cấp, giao dịch diễn biến sôi động, mặt bằng lãi suất tăng sau khi tích lũy ở vùng thấp trong thời gian dài. Bình quân phiên đạt khoảng 8,2 nghìn tỷ đồng, tăng gần 9% so với bình

quân quý IV/2021 và tăng khoảng 1% so với cùng kỳ năm trước. Mặt bằng lãi suất TPCP trong quý I sau khi ổn định quanh mức 2,08-2,1%/năm với kỳ hạn 10 năm và khoảng 2,35-2,38%/năm đối với kỳ hạn 15 năm trong tháng 1 đã có xu hướng tăng mạnh khoảng 30-40 điểm ở giai đoạn sau tết đến hết quý I lên mức 2,38%-2,43%/năm đối với kỳ hạn 10 năm và 2,67-2,72%/năm với kỳ hạn 15 năm – mức lãi suất cao nhất kể từ cuối quý II/2021. Tại thời điểm cuối quý, lãi suất TPCP các kỳ hạn 2,5,20 và 15 năm lần lượt là 1,67%/năm, 1,75%/năm, 2,4%/năm và 2,67%/năm.

Mặt bằng lãi suất TPCP trong quý I đã ghi nhận xu hướng tăng mạnh trong bối cảnh các yếu tố tạo áp lực chiếm ưu thế hơn. Mặc dù về phía nguồn cung, áp lực phát hành với KBNN chưa quá lớn trong bối cảnh cân đối NSNN thặng dư tích cực khoảng 109 nghìn tỷ đồng nhưng các yếu tố tác động khác nhìn chung đều đồng thuận dịch chuyển theo hướng kém thuận lợi hơn. Thanh khoản VND giảm bớt mức độ dồi dào, mặt bằng lãi suất đã chính thức rời khỏi vùng đáy và thiết lập một mặt bằng mới với mức tăng khoảng 1,3%/năm so với mức bình quân của quý trước và tăng khoảng 1,2%/năm so với cùng kỳ năm trước.
Bối cảnh quốc tế cũng xuất hiện nhiều yếu tố bất ổn, mang tính chất đột biến cao khiến tâm lý thị trường trở nên thận trọng, lo ngại hơn như cuộc chiến Nga – Ukraine leo thang khiến giá cả hàng hóa đi lên và làm gia tăng kỳ vọng về lạm phát hay xu hướng đẩy nhanh lộ trình thắt chặt tiền tệ khiến cho mặt bằng lợi suất TPCP Mỹ tăng mạnh khoảng 70-90 điểm so với thời điểm cuối 2021 lên mức 2,3-2,4%/năm với kỳ hạn 10 năm.
Ngoài ra, mặt bằng lãi suất TPCP đang chịu áp lực đảo chiều tương đối lớn sau khi tích lũy ở vùng thấp 2,0-2,2%/năm với kỳ hạn 10 năm trong thời gian kể từ tháng 6/2021 đến nay.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã hạ nhiệt trong 3 tháng đầu năm nay khi các quy định mới bắt đầu có hiệu lực. Tổng giá trị phát hành trong quý đầu năm đạt xấp xỉ 40.000 tỷ đồng; trong đó phần lớn là phát hành riêng lẻ với giá trị gần 31.000 tỷ đồng và phần còn lại là phát hành ra công chúng.
Lãi suất thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong quý đầu năm có áp lực tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2021 do lo ngại lạm phát. Cơ quan quản lý cũng đã nhận thấy những rủi ro tiềm ẩn từ kênh huy động vốn này khi thị trường phát triển. Nghị định 153 quy định hoạt động phát hành về là một bước định hướng tất yếu về mặt chính sách để quản lý rủi ro hợp lý.

Nguồn: VBMA, TCC tổng hợp

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	*3 năm đến thời điểm báo cáo (%)*	*5 năm đến thời điểm báo cáo (%)*	*Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)*
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	31,08%	34,13%	63,43%	147,76%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-0,56%	8,36%	17,24%	52,78%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	7,26%	23,14%	44,12%	59,56%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	7,26%	7,19%	7,58%	6,90%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	49,93%	133,99%	1676,10%	Không áp dụng

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng cho giai đoạn từ khi thành lập tới ngày 31 tháng 03 năm 2022 của Quỹ:

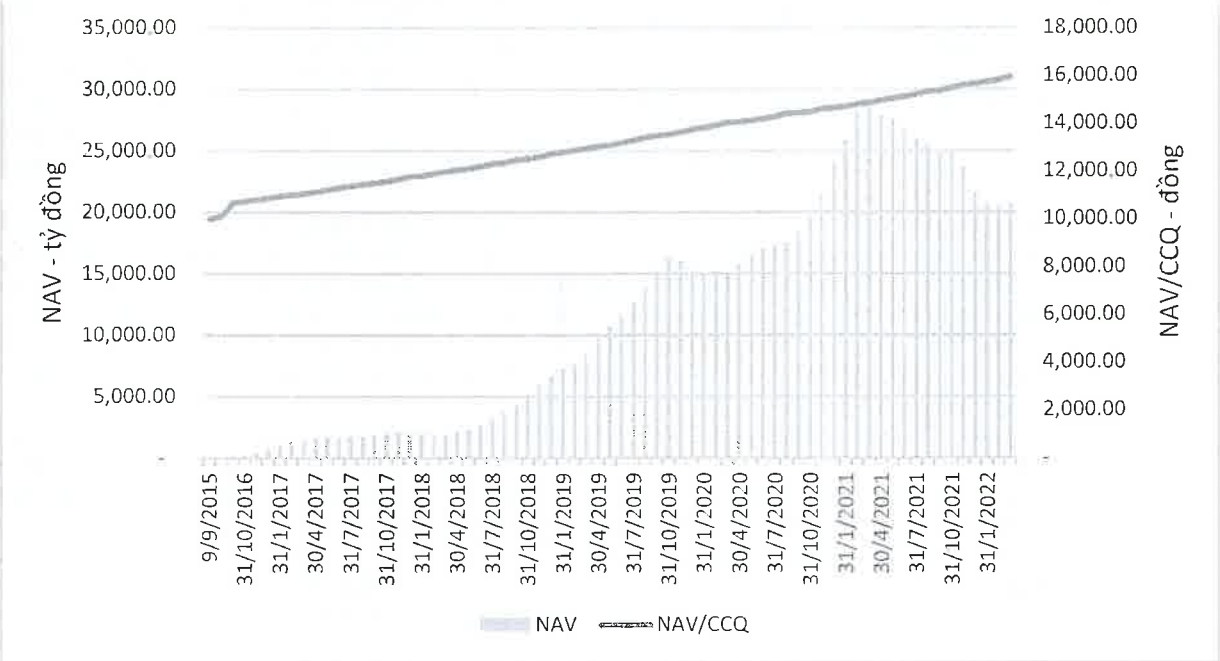

4.2 *Thay đổi giá trị tài sản ròng*

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022	*Ngày 31 tháng 03 năm 2021*	*Tỷ lệ thay đổi*
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	20.611.268.609.532	28.631.569.527.880	-28,01%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	15.956,10	14.876,25	7,26%

4.3 *Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:*

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	*Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ*	*Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ*	*Tỷ lệ nắm giữ*
Dưới 5.000	17.384,00	21.715.644,32	1,68%
Từ 5.000 đến 10.000	6.094,00	43.448.556,02	3,36%
Từ 10.000 đến 500.000	16.373,00	867.178.968,06	67,13%
Trên 500.000	234,00	359.404.778,58	27,82%
	40.085,00	**1.291.747.946,98**	**100%**

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Kinh tế vĩ mô

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong quý I/2022 tăng 1,92% so với cùng kỳ năm trước, mức khá thấp trong vòng 5 năm qua (ngoại trừ quý I/2021). Giá thực phẩm giảm so với năm trước (-1,2%), giá dịch vụ Nhà nước có xu hướng giảm hoặc được giữ ổn định (giáo dục, y tế) là những yếu tố chính khiến cho lạm phát trong nước vẫn đang ở mức thấp, bất chấp áp lực ngày càng lớn đến từ giá nhiên liệu và xu hướng lạm phát toàn cầu. Tuy nhiên, áp lực lạm phát trong Quý I có xu hướng gia tăng về cuối quý do (i) giá nhiên liệu như xăng dầu và gas tăng mạnh theo giá cả thế giới; (ii) lực cầu tiêu dùng trong nước phục hồi. CPI tháng 3 tăng 0,7% so với tháng trước và 2,41% so với cùng kỳ năm 2021; lạm phát cơ bản trong tháng 3 cũng tăng 0,29%.

Trong quý II, áp lực lạm phát dự kiến sẽ tiếp tục xu hướng tăng và dự kiến lạm phát tổng thể sẽ ở mức cao hơn đáng kể so với Quý I do (i) tổng cầu trong nước phục hồi tích cực hơn; (ii) áp lực chi phí đẩy tiếp tục gia tăng do giá nhiên liệu và nguyên vật liệu sản xuất tăng cao. Ngoài ra, những diễn biến khó lường của căng thẳng địa chính trị trên thế giới có thể khiến giá cả hàng hóa tăng

cao hơn và là rủi ro tạo thêm áp lực lạm phát. Tuy nhiên các biện pháp hỗ trợ của nhà nước tiếp tục duy trì như giảm thuế phí và dịch vụ công có thể làm hạ nhiệt đà tăng của giá cả. Dự báo lạm phát bình quân quý II ở mức khoảng 2,8-3% và lạm phát bình quân cả năm dự kiến vẫn trong mức kiểm soát, khoảng 3,5-3,6% yoy.

ADB dự báo tăng trưởng kinh tế có thể đạt 6,5% năm 2022 và 6,7% năm 2023 - sự phục hồi có thể đạt được nhờ chuyển hướng tiếp cận linh hoạt hơn trong kiểm soát đại dịch, thương mại tiếp tục mở rộng và chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của chính phủ (ERDP). Sự chuyển hướng kịp thời trong chiến lược kiểm soát dịch bệnh giúp khôi phục hoạt động kinh tế và giảm sự bất ổn trong môi trường kinh doanh. Khảo sát của Tổng cục Thống kê về xu hướng kinh doanh trong lĩnh vực chế biến chế tạo cho thấy 81,7% số doanh nghiệp được hỏi tin rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ tốt hơn vào năm 2022.

Chương trình ERDP sẽ gia tăng đầu tư công, kích cầu nội địa. Tăng cường phối hợp giữa chính quyền trung ương và địa phương cũng như dịch chuyển lao động phục hồi sẽ giúp tăng niềm tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước về khả năng phục hồi kinh tế của Việt Nam. Chỉ số môi trường kinh doanh của Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam quý IV năm 2021 cho thấy các doanh nghiệp Châu Âu đánh giá tích cực và lạc quan về môi trường kinh doanh của Việt Nam sau khi Chính phủ nới lỏng các biện pháp nghiêm ngặt trong kiểm soát COVID-19. Giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong 2 tháng đầu năm 2022 tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1, dự kiến sẽ thúc đẩy thương mại và phục hồi kinh tế sau khi đại dịch COVID-19 lắng xuống, bằng cách tạo ra các thị trường xuất khẩu ổn định và lâu dài cho Việt Nam và tạo nền tảng mang tính ràng buộc pháp lý để mở rộng thương mại. Dự báo xuất khẩu hàng hóa sẽ tăng 8% –10% trong năm nay. Nhập khẩu sẽ tăng do nhu cầu về tư liệu sản xuất và đầu vào cho công nghiệp chế biến chế tạo tăng lên, và tiêu dùng trong nước phục hồi trở lại. Sự phục hồi của du lịch và lượng kiều hối bền vững sẽ giúp tăng thặng dư tài khoản vãng lai, dự báo ở mức 1,5% GDP trong năm nay và 2,0% vào năm 2023.

Trái phiếu chính phủ

Thanh khoản VND nhìn chung có xu hướng kém dồi dào hơn kỳ vọng chủ yếu xuất phát từ các yếu tố chính như sau: (i) Diễn biến kém thuận lợi của cung – cầu ngoại tệ dưới tác động tiêu cực của các sự kiện quốc tế mang tính đột biến cao như chiến tranh Nga – Ukraine hay xu hướng đẩy nhanh lộ trình thắt chặt tiền tệ của Fed đã khiến cho NHNN chưa thể mua vào ngoại tệ để bổ sung nguồn cung VND cho thị trường như cùng kỳ mọi năm; (ii) Cân đối huy động vốn – tín dụng cũng có xu hướng thu hẹp tương đối mạnh trong bối cảnh tăng trưởng huy động vốn chậm lại do dòng vốn ngoại tệ kém dồi dào, trong khi tín dụng tiếp tục tăng trưởng tích cực cùng xu hướng mở của của nền kinh tế. Theo công cố của NHNN, tăng trưởng tín dụng đến cuối quý I ước đạt trên 5% - mức tăng cao nhất trong khoảng 5 năm trở lại đây và cao hơn so với tăng trưởng huy động vốn khoảng hơn 2%.

Lãi suất TPCP dự kiến tiếp tục chịu áp lực tăng trong quý II, dao động chủ đạo quanh biên độ 2,8-3,2%/năm với kỳ hạn 10 năm và 3,0-3,4%/năm với kỳ hạn 15 năm.

Trong bối cảnh quốc tế vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là xu hướng đi lên của mặt bằng lãi suất quốc tế khi Fed dự kiến cũng sẽ tăng mạnh lãi suất điều hành – khoảng 100 điểm trong quý II – kéo theo lãi suất TPCP Mỹ cũng sẽ tiếp tục chịu áp lực tăng trong thời gian tới. Dự kiến lãi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm đến cuối quý II sẽ dao động quanh mức 2,7-2,9%/năm và đến cuối năm 2022 sẽ ở mức 2,85-3%/năm.

Về phía nguồn cung, mặc dù vừa công bố kế hoạch phát hành trong quý II tương đối lớn – khoảng 120 nghìn tỷ đồng (tăng 15 nghìn tỷ đồng so với kế hoạch quý I) nhưng KBNN nhiều khả năng vẫn sẽ chưa có những động thái điều chỉnh tăng mạnh lãi suất gọi thầu trong bối cảnh cân đối NSNN dự kiến tiếp tục thặng dư trong quý II/2022 do thu ngân sách khả quan và giải ngân đầu tư công chưa có nhiều đột biến.

Kế hoạch phát hành TPCP Quý II/2022

Đơn vị: Tỷ đồng

Kỳ hạn	Kế hoạch QII/2022
5y	10,000
7y	5,000
10y	45,000
15y	35,000
20y	10,000
30y	15,000

Nguồn: Bộ Tài Chính, TCC tổng hợp

6. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Ban Đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Xuân Minh

Chủ tịch

Ông Minh có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản lý quỹ. Ông là thành viên sáng lập Công ty Quản lý Quỹ Vietnam Asset Management – VAM, giữ chức vụ Giám đốc điều hành và Chủ tịch Hội Đồng Đầu tư. Ông có 10 năm kinh nghiệp tại Công ty Franklin Templeton Investments (chức vụ: trưởng đại diện tại Việt Nam; Phó Chủ tịch cao cấp tại Singapore). Ông hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.

Ông Minh có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Dầu khí tại Liên Bang Nga và Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính ứng dụng và Đầu tư – ĐH Chứng khoán Úc. Ông Minh có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và Chứng chỉ CFA từ năm 2003.

Ông Đặng Thế Đức

Thành viên

Ông Đức có hơn 18 năm kinh nghiệm hành nghề luật kinh doanh tại Việt Nam, trong đó tập trung vào đầu tư trong nước, giao dịch doanh nghiệp, cổ phần tư nhân, M&A, chứng khoán, giao dịch thị trường vốn và tài trợ dự án. Ông Đức đã tư vấn cho một số quỹ đầu tư nước ngoài và địa phương lớn và nhà quản lý quỹ liên quan đến cơ cấu kinh doanh, các giao dịch M&A tại Việt Nam. Ông Đức hiện là Giám đốc điều hành (Managing Partner) tại Công ty Tư vấn luật Indochine Counsel; nhà phân tích thường xuyên cho các tạp chí kinh doanh hàng đầu tại Việt Nam (Kinh tế Sài Gòn, Nhịp cầu đầu tư, Đầu tư chứng khoán).

Bà Nguyễn Thị Vĩnh Hà

Thành viên

Bà Hà có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Bà Hà gia nhập Công ty Kiểm toán Grant Thornton (Việt Nam) từ năm 1996, bà Hà đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Chủ nhiệm kiểm toán, Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp, Giám đốc Kiểm toán và hiện là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).

Bà Hà tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Kế toán; Đai học Ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh. Bà Hà đã có chứng chỉ Kiểm toán viên, chứng chỉ Thẩm định giá của Bộ Tài Chính đồng thời đạt các chứng chỉ kiểm toán và tài chính cấp quốc tế như ACCA của Hiệp hội kế toán công chứng Anh và CFA của học viện CFA Hoa Kỳ từ năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

Phí Tuấn Thành
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 04 năm 2022